

Ảnh - photo
4x6 cm
(1)
See notes

Mẫu (Form) NA1
Kèm theo Thông tư số 70/2026/TT-BCA
ngày 25 tháng 5 năm 2026

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP THỊ THỰC VIỆT NAM (1)
VIETNAMESE VISA APPLICATION FORM
(Dùng cho người nước ngoài – For foreigners)

1. Họ tên (chữ in hoa):
Full name (in capital letters)
2. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐
Sex Male Female
3. Sinh ngày.....tháng.....năm.....
Date of birth (Day, Month, Year)
4. Nơi sinh:
Place of birth
5. Quốc tịch gốc:
Nationality at birth
6. Quốc tịch hiện nay (3):
Current nationality
7. Tôn giáo:
Religion
8. Nghề nghiệp:
Occupation
9. Nơi làm việc:
Employer and business address
10. Địa chỉ thường trú:
Permanent residential address
- Số điện thoại/Email:
Telephone/Email
11. Thân nhân
Family members:

Quan hệ (4) <i>Relationship</i>	Họ tên (chữ in hoa) <i>Full name (In capital letters)</i>	Giới tính <i>Sex</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth (Day, Month, Year)</i>	Quốc tịch <i>Nationality</i>	Địa chỉ thường trú <i>Permanent residential address</i>

12. Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế số: loại (5):
Passport or International Travel Document Number Type
- Cơ quan cấp: có giá trị đến ngày:/...../.....
Issuing authority Expiry date (Day, Month, Year)
13. Ngày nhập cảnh Việt Nam gần nhất (nếu có):
Date of the previous entry into Viet Nam (if any)
14. Dự kiến nhập cảnh Việt Nam ngày/...../.....; tạm trú ở Việt Namngày
Intended date of entry (Day, Month, Year) Intended length of stay in Viet Nam days
15. Mục đích nhập cảnh:
Purpose of entry
16. Dự kiến địa chỉ tạm trú ở Việt Nam:
Intended temporary residential address in Viet Nam
17. Cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân tại Việt Nam mời, bảo lãnh
Hosting organisation/individual in Viet Nam
- Cơ quan, tổ chức:
Name of hosting organisation

Địa chỉ:

Address

Cá nhân (họ tên):

Hosting individual (full name)

Địa chỉ:

Address

Quan hệ với bản thân:

Relationship to the applicant

18. Trẻ em dưới 14 tuổi đi cùng hộ chiếu (nếu có):

*Accompanying child(ren) under 14 years old included
in your passport (if any)*

Ảnh - photo
4cm x 6cm
(Under 14 years
old)
See notes
(2)

Ảnh - photo
4cm x 6cm
(Under 14 years
old)
See notes
(2)

Số TT <i>No</i>	Họ tên (chữ in hoa) <i>Full name (In capital letters)</i>	Giới tính <i>(Sex)</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>

19. Đề nghị cấp thị thực: một lần ☐ nhiều lần ☐

Applying for a visa Single Multiple

từ ngày:/...../..... đến ngày/...../.....

valid from (Day, Month, Year) to (Day, Month, Year)

20. Đề nghị khác liên quan việc cấp thị thực (nếu có):

Other requests (if any)

Tôi xin cam đoan những nội dung trên là đúng sự thật.

I declare to the best of my knowledge that all the above particulars are correct.

Làm tại: ngày tháng năm

Done at

date (Day, Month, Year)

Người đề nghị

The applicant

(ký, ghi rõ họ tên)

Signature, fullname

Ghi chú/Notes:

(1) Mỗi người khai 01 bản kèm hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế, nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài hoặc nộp trực tiếp tại đơn vị kiểm soát xuất nhập cảnh tại cửa khẩu quốc tế nơi nhận thị thực. *Submit in person or via portal service one completed application form enclosed with passport or International Travel Document at the Vietnamese Diplomatic Mission abroad or in person at the international border checkpoint immigration office where the visa is issued.*

(2) Kèm 02 ảnh mới chụp, cỡ 4cm x 6cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, không đội mũ, không đeo kính, trang phục lịch sự. (01 ảnh dán vào tờ khai, 01 ảnh để rời).

Enclose 2 recently taken photos in 4cm x 6cm size, with white background, face looking straight, no hat, no glasses, polite clothes (one on the form and the other separate).

(3) Theo quy định của Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014, năm 2025): “Trên lãnh thổ Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam chỉ công nhận quốc tịch Việt Nam đối với công dân Việt Nam đồng thời có quốc tịch nước ngoài trong quan hệ với cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.”. Theo quy định của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019 (sửa đổi, bổ sung năm 2023, năm 2025), công dân Việt Nam có nghĩa vụ: “Sử dụng giấy tờ xuất nhập cảnh do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp để xuất cảnh, nhập cảnh.”.

According to the provisions of Law on Vietnamese Nationality 2008 (amended and supplemented in 2014 and 2025) “Within the territory of Vietnam, the State of the Socialist Republic of Vietnam only recognizes Vietnamese nationality for Vietnamese citizens who also hold foreign nationality in relation to the competent authorities of Vietnam, except in cases where international treaties to which the Socialist Republic of Vietnam is a party provide otherwise.”. According to the provisions of Law on entry and exit of Vietnamese citizens 2019 (amended and supplemented in 2023 and 2025), Vietnamese citizens have obligations: “Use entry and exit documents issued by competent agencies of Vietnam to make entry and exit.”.

(4) Ghi rõ bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột (nếu có).

State clearly the information about parents, spouse, children and siblings (if any).

(5) Ghi rõ loại hộ chiếu phổ thông, công vụ, ngoại giao hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế.

Specify type of passport whether it is Ordinary, Official or Diplomatic or specify name of the International Travel Document.